

BỘ Y TẾ
Số: 2790/2002/QĐ-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Bộ Y tế.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Căn cứ Thông tư số 06/2001/TT-BKH ngày 20/9/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ;

Căn cứ yêu cầu của công tác quản lý ODA của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của Bộ Y tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký ban hành. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, thủ trưởng các vụ, cục, ban, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế và các vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH về Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của Bộ Y tế

(ban hành kèm theo Quyết định số 2790/2002/QĐ-BYT ngày 25/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này điều chỉnh mọi hoạt động thu hút, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (bao gồm viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi, sau đây gọi tắt là (ODA) của Bộ Y

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

a) Quy định này áp dụng cho tất cả các chương trình, dự án thuộc các vụ, cục, ban, văn phòng, thanh tra trong cơ quan Bộ Y tế và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế trong việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng ODA.

b) Đối với các chương trình, dự án về y tế do các đơn vị không trực thuộc Bộ Y tế thực hiện, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

c) Đối với các chương trình, dự án thuộc khoản b của Điều này, Bộ Y tế giao Vụ Kế hoạch là đầu mối tiếp nhận hồ sơ chương trình, dự án để phối hợp với các vụ, cục, ban có liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Y tế trong việc tham gia ý kiến thẩm định hoặc có ý kiến hiệp ý.

Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản.

1. Nguồn hỗ trợ phát triển chính thức cho Bộ Y tế là nguồn ngân sách nhà nước phải được tiếp nhận, quản lý và thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Hiệp định viện trợ đã được ký kết giữa Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ có quy định khác thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan chủ quản là Bộ Y tế đối với các chương trình, dự án ODA (sau đây viết tắt là chương trình, dự án) do các đơn vị trong cơ quan Bộ hoặc các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế trực tiếp triển khai, thực hiện và những dự án thuộc lĩnh vực y tế do Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Y tế là cơ quan quản lý, thực hiện.

2. Chủ dự án là các đơn vị thuộc cơ quan Bộ hoặc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ (sau đây gọi chung là các đơn vị được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng nguồn vốn viện trợ và nguồn vốn đối ứng để thực hiện chương trình, dự án theo nội dung đã được phê duyệt).

Điều 5. Đăng ký danh mục, nội dung chương trình dự án ODA.

Trên cơ sở chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét và điều phối kế hoạch thu hút, sử dụng ODA trong từng thời kỳ và danh mục, nội dung chương trình, dự án ODA của Bộ Y tế yêu cầu tài trợ, để đăng ký.

Điều 6. Phê duyệt các chương trình, dự án ODA.

1. Các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét và cho ý kiến trước khi trình xin phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng ủy quyền cho Thứ trưởng phụ trách về kế hoạch, đầu tư và viện trợ nước ngoài xem xét.

2. Các chương trình dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Y tế.

a) Bộ trưởng phê duyệt: các chương trình, dự án về đầu tư xây dựng cơ bản nhóm B, các dự án hỗ trợ kỹ thuật không liên quan đến thể chế chính sách, pháp luật, cải cách hành chính, văn hóa thông tin, an ninh quốc phòng có giá trị từ 500.000 USD đến dưới 1.000.000 USD hoặc tương đương.

b) Thứ trưởng phụ trách về kế hoạch, đầu tư và viện trợ nước ngoài phê duyệt: các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhóm C, các dự án hỗ trợ kỹ thuật không liên quan đến thể chế chính sách, pháp luật, cải cách hành chính, văn hóa thông tin, an ninh quốc phòng có giá trị dưới 500.000 USD hoặc tương đương.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Phần 1. THU HÚT VẬN ĐỘNG ODA

Điều 7. Nguyên tắc chung trong việc thu hút và vận động ODA.

Các đơn vị thu hút và vận động ODA dựa trên các căn cứ sau:

a) Các quy định, chính sách của Nhà nước.

b) Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hàng năm, 5 năm và 10 năm của Bộ Y tế.

c) Các chính sách ưu tiên của Bộ Y tế đối với sự phát triển của ngành và các lĩnh vực trong từng thời kỳ.

d) Nhu cầu để thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

e) Tôn chỉ, mục đích, thế mạnh và ưu tiên của nhà tài trợ.

f) Vai trò chủ động của Bộ Y tế và của đơn vị thực hiện dự án.

Điều 8. Xây dựng Danh mục chương trình, dự án ưu tiên vận động ODA..

Hàng năm, các đơn vị chủ động xây dựng Danh mục ưu tiên sử dụng ODA kèm đề cương sơ bộ (theo mẫu Phụ lục số 2 của Thông tư số 06/2001/TT-BKH ngày 20/9/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và

gửi bằng văn bản về Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch).

Vụ Kế hoạch làm đầu mối tổng hợp và phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các vụ có liên quan xem xét trình Bộ trưởng phê duyệt Danh mục ưu tiên sử dụng ODA của Bộ Y tế.

Điều 9. Thông báo danh mục các chương trình, dự án được xem xét tài trợ.

Vụ Kế hoạch chịu trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến các đơn vị về danh mục các chương trình, dự án được nhà tài trợ đồng ý xem xét tài trợ theo từng thời kỳ và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (sau đây gọi là các chương trình, dự án được xem xét tài trợ).

Phần 2.

CHUẨN BỊ XÂY DỰNG NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ODA

Điều 10. Xác định chủ dự án và thành lập Ban Chuẩn bị chương trình, dự án.

1. Xác định chủ dự án: Vụ Kế hoạch là đầu mối phối hợp với các vụ có liên quan đề xuất chủ dự án báo cáo Thủ tướng phụ trách kế hoạch và đầu tư trước khi trình Bộ trưởng phê duyệt.

2. Thành lập Ban Chuẩn bị chương trình, dự án (sau đây gọi tắt là Ban Chuẩn bị dự án): được thực hiện sau khi Bộ trưởng phê duyệt chủ dự án.

2.1. Đối với các dự án vốn vay, nhóm A liên quan đến nhiều lĩnh vực, chính sách của ngành y tế, có phạm vi triển khai trên quy mô lớn: Sau khi nhận được thông báo chính bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về danh mục các chương trình, dự án được xem xét tài trợ, Vụ Kế hoạch là đầu mối phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế, Ban Quản lý các dự án và các vụ liên quan căn cứ vào nội dung chính của dự án đề xuất thành phần Ban Chuẩn bị dự án và Trưởng ban, báo cáo Thủ tướng phụ trách về kế hoạch và đầu tư trước khi trình Bộ trưởng phê duyệt. Sau khi được Bộ trưởng phê duyệt, Vụ Tổ chức cán bộ dự thảo quyết định trình lãnh đạo Bộ ký ban hành.

2.2. Đối với các dự án không quy định tại khoản 2.1 Điều này: Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục sử dụng ODA, Vụ Kế hoạch là đầu mối phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế, Ban Quản lý các dự án và chủ dự án căn cứ vào nội dung chính của dự án đề xuất thành phần Ban Chuẩn bị dự án và Trưởng ban báo cáo Thủ tướng phụ trách về kế hoạch và đầu tư trước khi trình Bộ trưởng phê duyệt. Sau khi được Bộ trưởng phê duyệt, Vụ Tổ chức cán bộ dự thảo quyết định trình lãnh đạo Bộ ký ban hành. .

2.3. Quy trình cụ thể sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

3. Ban Chuẩn bị dự án chịu trách nhiệm lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi và văn kiện chương trình, dự án để các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Nội dung chủ yếu của kế hoạch chuẩn bị chương trình, dự án được quy định tại Điều 14 Chương III Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ và theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Y tế.

4. Vấn đề chuẩn bị chương trình, dự án ODA được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Chương III Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ. Chủ dự án chịu trách nhiệm đề xuất nhu cầu vốn và nguồn vốn để chuẩn bị chương trình, dự án và gửi về Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính kế toán). Vụ Tài chính kế toán có nhiệm vụ phối hợp với Vụ Kế hoạch hướng dẫn chủ dự án trong việc xác định và bố trí vốn và nguồn vốn phù hợp để chuẩn bị chương trình, dự án.

Điều 11. Xây dựng nội dung chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản được xây dựng theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, có ghi rõ nguồn vốn trong nước, nguồn vốn ODA, các điều kiện thỏa thuận với nhà tài trợ... và bổ sung một số nội dung theo Điều 15 và Điều 16 Chương III Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong báo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình dự án, cần bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho hoạt động kiểm tra đánh giá từ nguồn vốn ODA hoặc từ nguồn vốn đối ứng.

Điều 12. Xây dựng nội dung văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật.

Văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật được xây dựng theo mẫu Đề cương chi tiết của Phụ lục số 8 Thông tư số 06/2001/TT-BKH ngày 20/9/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và theo yêu cầu của nhà tài trợ.

Trong Văn kiện chương trình, dự án cần bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho hoạt động kiểm tra đánh giá từ nguồn vốn ODA hoặc từ nguồn vốn đối ứng.

Phần 3. THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ODA

Điều 13. Thẩm định các chương trình, dự án sử dụng ODA thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định các chương trình, dự án sử dụng ODA thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Thẩm định chương trình, dự án ODA hỗ trợ kỹ thuật được thực hiện theo các quy định tại Mục III Thông tư số 06/2001/TT-BKH ngày 20/9/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Y tế quy định một số điểm cụ thể (bao gồm dự án đầu tư xây dựng cơ bản và dự án hỗ trợ kỹ thuật):